

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 11 - 02 - 2025

V/v yêu cầu không công nhận vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hoàng Bảy.

Ông Hứa Văn Khương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 11 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 314/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2024 về việc yêu cầu không công nhận vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 13/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông H. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Bà P. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/11/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông H trình bày: Vào năm 1994, ông H và bà P về sống chung trên tinh thần tự nguyện, nhưng cho đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, hai người có 02 người con chung tên T sinh ngày 11/7/1995 và L sinh ngày 12/12/1999. Do hai người không cùng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau, hai người đã sống ly thân từ tháng 4/2024 cho đến nay.

Nay nhận thấy vợ chồng sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không duy trì được, nên ông H yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Về hôn nhân: Ông H yêu cầu Tòa án không công nhận ông H và bà P là vợ chồng.

+ Về con chung: Chị T và anh L đã trưởng thành, nên ông H không yêu cầu giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên ông H không yêu cầu giải quyết.

Ông H đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm cũng như trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Mọi vấn đề có liên quan ông H vẫn giữ nguyên theo lời trình bày có trong hồ sơ và cam kết không khiếu nại gì về sau.

- *Bị đơn bà P*: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà P nhưng bà P không có mặt tham gia tố tụng theo các giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có ý kiến trình bày hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H vắng mặt nhưng trong văn bản đề nghị xét xử vắng mặt thì ông H vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo đơn khởi kiện, về hôn nhân, ông H yêu cầu giải quyết không công nhận ông H và bà P là vợ chồng; về con chung, tài sản, nợ chung, ông H không yêu cầu giải quyết; Tòa án nhân dân huyện Kế Sách thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật yêu cầu không công nhận vợ chồng là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Kế Sách không có tiến hành thu thập chứng cứ và vụ án không thuộc các trường hợp khác theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

[3] Bà P là bị đơn, có địa chỉ cư trú tại ấp A, xã B, huyện C; Tòa án nhân dân huyện Kế Sách thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H vắng mặt nhưng có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, bà P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do và không thuộc trường hợp sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, việc vắng mặt cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử; Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[5] Về quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng: Ông H trình bày vào năm 1994, ông H và bà P về sống chung trên tinh thần tự nguyện, nhưng cho đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nay nhận thấy vợ chồng sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không duy trì được nên ông H yêu cầu không công nhận ông H và bà P là vợ chồng. Như vậy, ông H và bà P là những người có đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật, đã chung sống với nhau như vợ

chồng mà không đăng ký kết hôn, nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, đồng thời quan hệ của ông H và bà P không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vì vậy, việc ông H yêu cầu không công nhận ông H và bà P là vợ chồng là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con: Trong quá trình chung sống, ông H và bà P có với nhau 02 người con chung tên T sinh ngày 11/7/1995 và L sinh ngày 12/12/1999. Hiện nay, chị T và anh L đã thành niên, không thuộc trường hợp mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động hoặc không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của pháp luật, ông H và bà P không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng: Ông H trình bày không có và không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí sơ thẩm: Ông H phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

1.1. Về quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa ông H và bà P là vợ chồng.

1.2. Về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con: 02 người con chung tên T sinh ngày 11/7/1995 và L sinh ngày 12/12/1999 hiện nay đã thành niên và không thuộc trường hợp mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động hoặc không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của pháp luật, ông H và bà P không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

1.3. Về quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng: Ông H trình bày không có và không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông H phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà ông H đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009070, ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông H đã thực hiện xong nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự (02);
- VKSND huyện Kế Sách (01);
- Chi cục THADS huyện Kế Sách (01);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- UBND xã B (01);
- Lưu HSVA, Văn phòng (02).

Nguyễn Quốc Việt